

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2025/HS-ST

Ngày: 03-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thanh Tiền

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Hồng Hải

Ông Lê Hữu Trọng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Ngân Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 162/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 261/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức N, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1990 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; Nơi thường trú: 2 L, phường P, quận T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đức N1; con bà: Ngô Thị Thu H; Có vợ tên Tô Ngọc H1; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. JTEKT Corporation; địa chỉ: 1 A, Kariya Aichi P, T.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty L2 (do bà Vũ Thị Hồng Y là người đại diện theo pháp luật); địa chỉ: P, lầu A, Tòa nhà D, 8 H, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. ASAHI SEIKO CO., LTD; địa chỉ: N, H, O, S, O1, J.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Một Thành viên S (do bà Nguyễn Mai P là người đại diện theo pháp luật), địa chỉ: Số I Đ, phường K, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

3. N4; địa chỉ: 6 , O- chome, Shinagawa-ku, T, T.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Một Thành viên S (do bà Nguyễn Mai P là người đại diện theo pháp luật), địa chỉ: Số I Đ, phường K, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức N là chủ hộ kinh doanh Nam Bạc Đ tại địa chỉ H T, Phường A, Quận E (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 02 năm 2015, với ngành nghề kinh doanh: Buôn bán vòng bi các loại, phốt và mỡ bò do Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam,... sản xuất. Ngoài ra, N có gửi hàng hóa tại bãi xe Chị Em, số B B, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào thời điểm cuối năm 2023 tới đầu năm 2024, do ham lợi nhuận từ việc kinh doanh hàng hoá giả mạo có giá thành rẻ nên N đã mua các sản phẩm trôi nổi trên thị trường thông qua các nhân viên của các cá nhân, doanh nghiệp trong nước sử dụng các số điện thoại khác nhau đi chào hàng trực tiếp các nhãn hiệu “KOYO”, “ASAHI”, “NSK” giả mạo tại cửa hàng. Nhã biết các sản phẩm này được bảo hộ tại Việt Nam nhưng vẫn cố ý kinh doanh để bán cho những người mua hàng để kiếm lời. Đến ngày 18/07/2024, Công an Q kiểm tra bãi xe Chị Em tại số B B, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện 1.470 cái vòng bi các loại mang nhãn hiệu “KOYO” không có hóa đơn chứng từ, nghi vấn giả mạo nhãn hiệu “KOYO” do Nguyễn Đức N là chủ hàng. Đồng thời, khám xét tại hộ kinh doanh N5, địa chỉ H T, Phường A, Quận E, do N làm chủ phát hiện và thu giữ: 29.276 vòng bi các loại mang nhãn hiệu “KOYO”; 23.926 cái vòng bi các loại mang nhãn hiệu “NSK” và 744 cái vòng bi các loại mang nhãn hiệu “ASAHI”.

Toàn bộ số lượng hàng hóa gồm: 29.276 vòng bi các loại mang nhãn hiệu “KOYO”, 23.926 vòng bi các loại mang nhãn hiệu “NSK” và 744 vòng bi các loại mang nhãn hiệu “ASAHI” là hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ, không phải là sản phẩm do Jtekt C, N4., Asahi Seiko C1., L sản xuất hoặc ủy quyền sản xuất để phân phối trên thị trường.

Quá trình kinh doanh, mua bán, N khai nhận đã bán hàng hoá trên cho các đương sự Trần Thiện L1- chủ hộ kinh doanh Trần Thiện L1, bà Hà Thu H2- đại diện Công ty TNHH C2, bà Phạm Thị Ánh N2- chủ hộ kinh doanh H3, bà Hạ Thị Phi T1- giám đốc, người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH T2, bà Nguyễn Thúy N3- chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thúy N3, bà Nguyễn Thị Thu H4- đại diện Công ty TNHH C3. Tuy nhiên, không xác định được số tiền thu lợi bất chính do việc mua bán hàng hoá giả mạo trên.

Tại Kết luận giám định của V - Bộ K và Công nghệ số NH493-24TC.TP/KLGD ngày 16/8/2024 xác định: Các sản phẩm vòng bi gắn dấu hiệu KOYO, NSK, ASAHI mà cửa hàng N6 Đạn đang kinh doanh là hàng hóa giả mạo đối với Nhãn hiệu được bảo hộ cho sản phẩm vòng bi thuộc Nhóm 07 và Nhóm 12 theo GCNĐKNH số: 246622, 25913, 23795 của JTEKT Corporation, NSK L, Asahi Seiko C1., L

Tại kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thường xuyên - Ủy ban nhân dân Quận A số: 51/KL-HĐĐGTS ngày 29 tháng 8 năm 2024 xác định: Trị giá tài sản của 53.946 cái bạc đạn các loại mang nhãn hiệu “KOYO”, “ASAHI”, “NSK” không rõ nguồn gốc xuất xứ, có danh sách tài sản cần định giá đính kèm; Tình trạng hàng hóa: Chưa qua sử dụng, hàng mới, hiện đang được tạm giữ và bảo quản tại Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và chức vụ Công an Q vào ngày 18/7/2024 là 5.381.604.000 đồng.

Tại Công văn số 2234/TĐC- PCTTra ngày 03/7/2025 của Ủy ban T3 về cung cấp thông tin liên quan đến các Tiêu chuẩn quốc gia đối với sản phẩm vòng bi:

- Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về vòng bi số: TCVN 3607: 1981 về Ổ lăn- Rãnh trên vòng ngoài và vòng chặn đàn hồi- Kích thước.

- Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về vòng bi số: TCVN 1479: 1985 về Ổ lăn- Kiểu và dạng kết cấu.

- Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về vòng bi số: TCVN 1482: 1985 về Ổ lăn- Lắp ghép.

- Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về vòng bi số: TCVN 1558: 19815 về Nắp ô lăn- Nắp kín thấp đường kính từ 47 đến 100mm- Kích thước cơ bản.

Ngoài các TCVN trên thì còn có các số hiệu sau: TCVN 1559: 1985, TCVN 1560: 1985, TCVN 1562: 1985, TCVN 1563: 1985, TCVN 1564: 1985, TCVN 1565: 1985, TCVN 1566: 1985, TCVN 1567: 1985, TCVN 1568: 1985, TCVN 1569: 1985, TCVN 1570: 1985, TCVN 1571: 1985, TCVN 1572: 1985, TCVN 1573: 1985, TCVN 4171: 1985, TCVN 4172: 1985, TCVN 4370: 1986....

Tại Công văn số 1470/KT3- DH ngày 07/07/2025 của Trung tâm K1 về cung cấp một số thông tin về Tiêu chuẩn Quốc gia, Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với các sản phẩm vòng bi tại Việt Nam với nội dung: Trung tâm K2 lượng Chất lượng 3 không có thông tin về các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến sản phẩm mang nhãn hiệu “KOYO”, “NSK”, “ASAHI” do chủ sở hữu các sản phẩm này không khai báo, công bố tại Việt Nam. Trung tâm K2 lượng Chất lượng 3 chưa có đủ cơ sở và năng lực kỹ thuật phù hợp để thực hiện việc giám định chất lượng sản phẩm hàng hoá.

Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với Công ty L2 (đơn vị đại diện Công ty J1) xác định hàng hoá nhãn hiệu “KOYO” thu giữ của N là hàng giả mạo nhãn hiệu “KOYO”, không phải sản phẩm của Công ty sản xuất hoặc uỷ quyền sản xuất để phân phối trên thị trường. Công ty J1 không cung cấp được hàng chính hãng nhãn hiệu “KOYO” do không có hàng chính hãng tương ứng để cung cấp cho Cơ quan điều tra tiến hành giám định.

Công ty TNHH MTV S (đơn vị đại diện ASAHI SEIKO CO., LTD và NSK Ltd...) xác định: hàng hoá gắn nhãn hiệu “NSK”, “ASAHI” thu giữ của N là hàng hoá giả mạo nhãn hiệu “NSK”, “ASAHI”. Công ty N7 không cung cấp sản phẩm chính hãng “NSK” do không có hàng tương ứng để cung cấp cho Cơ quan điều tra.

Công ty A1., chưa cung cấp được thông tin nhãn hiệu “ASAHI” theo yêu cầu của Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận giám định số 879/KL- KTHS ngày 25/7/2025 của Phòng K3 Công an T4 có nội dung: Nội dung trưng cầu giám định không thuộc phạm vi chuyên môn của Phòng K3 nên không tiến hành giám định.

Vật chứng thu giữ: 29.276 cái vòng bi các loại mang nhãn hiệu “KOYO”, hàng mới, không rõ nguồn gốc xuất xứ; 23.926 cái vòng bi các loại mang nhãn hiệu “NSK”, hàng mới, không rõ nguồn gốc xuất xứ; 744 cái vòng bi các loại mang nhãn hiệu “ASAHI”, hàng mới, không rõ nguồn gốc xuất xứ; 01 thùng tài liệu, sổ sách được niêm phong trong thùng carton; 01 cái đầu CPU máy vi tính (đã qua sử dụng); 01 cái điện thoại di động NOKIA 1280, số Imei: 356245/04/411935/3 đã qua sử dụng; 01 cái điện thoại di động Iphone 7Plus, số Imei: 359172078367657 đã qua sử dụng.

Bản cáo trạng số: 89/CT-VKS-KV3 ngày 26/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức N về tội “Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp” theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 226 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Đức N về tội “Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 226; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N với số tiền từ 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) đến 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng).

Về vật chứng xử lý theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, không tranh luận và nói lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được áp dụng hình phạt tiền để bị cáo có điều kiện lao động nuôi sống gia đình cha mẹ, vợ và con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa công khai, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo là phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong

hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận như sau: Bị cáo Nguyễn Đức N đã có hành vi có hành vi tàng trữ, mua bán 30.746 vòng bi các loại mang nhãn hiệu “KOYO”; 23.926 vòng bi các loại mang nhãn hiệu “NSK” và 744 vòng bi các loại mang nhãn hiệu “ASAHI” của các Công ty J1 (đại diện theo ủy quyền là công ty L2) và công ty A1., LTD và NSK (đại diện theo ủy quyền là Công ty TNHH MTV S). Các sản phẩm trên đã được bảo hộ nhãn hiệu tại Việt Nam với giá trị hàng hoá vi phạm có tổng trị giá 5.381.604.000 đồng. Quá trình điều tra các công ty JTEKT Corporation, N4 và ASAHI SEIKO CO., LTD không cung cấp sản phẩm chính hãng “KOYO”, “NSK” và “ASAHI” do không có hàng chính hãng tương ứng để cung cấp cho Cơ quan điều tra tiến hành giám định.

Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Đức N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp” theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 226 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét bị cáo là người có năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được việc làm của mình, biết việc rõ việc sử dụng các nhãn hiệu đã được đăng ký sở hữu trí tuệ của người khác là hành vi vi phạm pháp luật mà Nhà nước nghiêm cấm, nhưng bị cáo bất chấp pháp luật vì mục đích lợi nhuận.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu công nghiệp của các tổ chức, cá nhân đã được bảo hộ bằng văn bản bảo hộ. Do đó, cần phải có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; nhằm mục đích giáo dục bị cáo, bên cạnh đó có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có ông nội, bà nội là người có công với cách mạng và được nhà nước tặng Huy chương chiến thắng hạng Nhất, hạng Nhì và Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng 3. Do đó, cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Căn cứ Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và trong thời gian tại ngoại luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì; bị cáo có ông nội, bà nội là người có công với cách mạng và được nhà nước tặng Huy chương chiến thắng hạng Nhất, hạng Nhì và Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng 3. Tại phiên tòa bị cáo cung cấp tài liệu chứng minh về tài chính đủ khả năng thi hành án để được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù mà xem xét áp dụng hình phạt tiền cũng có tác dụng giáo dục bị cáo và đảm bảo khả năng

thi hành án, đồng thời tạo điều kiện để bị cáo lao động nuôi sống bản thân và gia đình và 02 người con còn nhỏ.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo phạm tội vì mục đích hưởng lợi nhưng Hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về số tiền thu lợi bất chính: Quá trình điều tra không xác định được cụ thể số tiền bị cáo đã được hưởng lợi bất chính và tại phiên tòa bị cáo khai không nhớ rõ số tiền hưởng lợi là bao nhiêu và đã tiêu xài hết nên Hội đồng xét xử không đủ cơ sở buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính.

[8] Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[9] Đối với hành vi mua bán 29.276 vòng bi các loại mang nhãn hiệu “KOYO”; 23.926 vòng bi các loại mang nhãn hiệu “NSK” và 744 vòng bi các loại mang nhãn hiệu “ASAHI” giả mạo các nhãn hiệu của các công ty JTEKT Corporation, N4 và ASAHI SEIKO CO., LTD của bị cáo Nguyễn Đức N có dấu hiệu của tội “Buôn bán hàng giả” theo quy định tại Điều 192 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, các Công ty sở hữu các nhãn hiệu trên không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ, hàng mẫu để phục vụ công tác giám định; các sản phẩm bị cáo N mua bán chưa thể giám định về hành vi buôn bán hàng giả do các sản phẩm chính hãng không công bố, khai báo tại Việt Nam (theo Công văn số 1470/KT3- DH ngày 07/7/2025 của Trung tâm K1) và theo Kết luận giám định số 879/KL- KTHS ngày 25/7/2025 của Phòng K3- Công an Thành phố T4 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa đủ căn cứ để xử lý về hành vi buôn bán hàng giả, là phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với các đối tượng Trần Thiện L1, Hà Thu H2, Phạm Thị Ánh N2, Hạ Thị Phi T1, Nguyễn Thúy N3, Nguyễn Thị Thu H4 đã mua hàng hoá giả mạo của N, các đối tượng này không biết N bán hàng hoá giả mạo, khi có nhu cầu sẽ đến trực tiếp cửa hàng của N để mua vì hàng hoá có giá rẻ, cạnh tranh, chất lượng tốt, không nhớ rõ thời gian, số lượng hàng hoá mua cũng như số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán hàng hoá nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa đủ căn cứ để xử lý đối với các đối tượng nêu trên.

[10] Về xử lý vật chứng:

Xét 29.276 cái vòng bi các loại mang nhãn hiệu “KOYO”, hàng mới, không rõ nguồn gốc xuất xứ; 23.926 cái vòng bi các loại mang nhãn hiệu “NSK”, hàng mới, không rõ nguồn gốc xuất xứ; 744 cái vòng bi các loại mang nhãn hiệu “ASAHI”, hàng mới, không rõ nguồn gốc xuất xứ là hàng phạm pháp nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Xét 01 thùng tài liệu, sổ sách được niêm phong trong thùng carton là các tài liệu ghi nhận khách hàng mua bán hàng ngày của bị cáo N, không phải là các tài

liệu chứng cứ liên quan trực tiếp đến vụ án, không còn giá trị sử dụng nữa nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Xét 01 cái đầu CPU máy vi tính (đã qua sử dụng); 01 cái điện thoại di động NOKIA 1280, số Imei: 356245/04/411935/3 đã qua sử dụng; 01 cái điện thoại di động Iphone 7Plus, số Imei: 359172078367657 đã qua sử dụng là tài sản cá nhân của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử xem xét tịch thu sung quỹ nhà nước.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ Khoản 2 Điều 226; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) về tội “Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp”.

Căn cứ điểm a, c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 29.276 cái vòng bi các loại mang nhãn hiệu “KOYO”, hàng mới, không rõ nguồn gốc xuất xứ; 23.926 cái vòng bi các loại mang nhãn hiệu “NSK”, hàng mới, không rõ nguồn gốc xuất xứ; 744 cái vòng bi các loại mang nhãn hiệu “ASAHI”, hàng mới, không rõ nguồn gốc xuất xứ; 01 thùng tài liệu, sổ sách được niêm phong trong thùng carton;

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 cái đầu CPU máy vi tính (đã qua sử dụng); 01 cái điện thoại di động NOKIA 1280, số Imei: 356245/04/411935/3 đã qua sử dụng; 01 cái điện thoại di động Iphone 7Plus, số Imei: 359172078367657 đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/9/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 (cơ sở 1) - Thi hành án dân sự Thành phố H.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật phí và lệ phí.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3;
- Cơ quan CSĐT Công an TPHCM;
- Bộ phận Thi hành án hình sự;
- Phòng PV 06 – Công an TPHCM;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thanh Tiền